

Bản án số: 45/2018/DS-ST
Ngày: 26/10/2018.
Về việc " T/c hợp đồng hội "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Kim Doãn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Ngọc Thành

2. Ông Huỳnh Trung Thảo

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Đức** - Cán bộ Toà án Nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa: Bà **Hồ Thị Thuần** - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 26 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2018/TLST- DS ngày 24 tháng 7 năm 2018 về việc “ **Tranh chấp hợp đồng hội**”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2018/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Tam Nông.

Theo thông báo thay đổi ngày xét xử số:17/TB-TA ngày 17/10/2018 của Toà án nhân dân huyện Tam Nông. Giữa:

- *Nguyên đơn:* **Trần Thị S**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: khóm V, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* **Phạm Tuyết T (L)**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: khóm Z, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Trần Thị S trình bày:

Vào ngày 25/7/2011 tôi có tham gia chơi một chân hụi 3.000.000đ, mỗi tháng khui một lần do cô Phạm Tuyết T (L) làm chủ, gồm có 24 người cùng tham gia (Theo danh sách hụi khui ngày 25/7/2011 âm lịch). Tôi có châu hụi sống đầy đủ sau mỗi lần khui, (tôi không ghi lại nên tôi không nhớ cụ thể số tiền tôi đóng hụi sống là bao nhiêu), sau khi khui hụi cô T nói số tiền bao nhiêu tôi đóng cho cô bấy nhiêu, tôi là người hốt cuối cùng được số tiền là 69.000.000đ. Sau khi hốt hụi cô T không giao tiền cho tôi, tôi đã nhiều lần yêu cầu cô trả nhưng cô hên hết lần này đến lần khác rồi không trả cho tôi, cuối cùng cô yêu cầu tôi cho cô làm biên nhận, nhận nợ với tôi, tôi đồng ý cho cô làm biên nhận và cô đã làm biên nhận ngày 16/6/2013 âm lịch. Sau khi làm biên nhận, cô T vẫn không trả cho tôi, sau nhiều lần yêu cầu, cô T trả nhiều lần cho tôi được tổng số tiền 20.800.000đ, còn lại 48.200.000đ đến nay cô không trả cho tôi. Hôm nay tôi yêu cầu cô T trả số tiền 48.200.000đ, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn chị Phạm Tuyết T (L) trình bày:

Tôi thừa nhận vào năm 2011 tôi có làm chủ rất nhiều dây hụi, cô S tham gia nhiều chân, vì thời gian đã lâu tôi không nhớ cô S tham gia chơi chân hụi khui ngày nào, danh sách hụi khui ngày 25/7/2011 (al) là của tôi đưa cho cô S. Đến năm 2012 tất cả các dây hụi do tôi làm chủ đều bị bể hết, sau khi tính lại sổ sách giữa tôi với cô S, tôi còn thiếu cô số tiền là 69.000.000đ và tôi đã làm biên nhận cho cô (Biên nhận ngày 16/6/2013 âm lịch). Sau đó tôi có trả cho cô S nhiều lần với số tiền 20.800.000đ và số tiền 37.000.000đ cô S đã làm biên nhận cho tôi (biên nhận ngày 14/10/2011 âm lịch). Như vậy, cô S đã nhận của tôi là 57.800.000đ vì hụi bể tôi xin trả lại phần vốn, chứ không tính như hụi mãn. Hôm nay cô S yêu cầu tôi trả số tiền 48.200.000đ tôi không đồng ý trả theo yêu cầu của cô S, vì hiện tại tôi không còn nợ cô S. Tôi yêu cầu Toà án căn cứ theo pháp luật giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật, từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo pháp luật quy định tại Điều 26, Điều 35,63 và Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị S đối với chị Phạm Tuyết T là phù hợp với Điều 471 của Bộ luật dân sự. Điều 15 và Điều 24 của Nghị định 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[Về tố tụng]:

- **Về thẩm quyền:** Bị đơn Phạm Tuyết T cư trú tại khóm Z, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Về quan hệ pháp luật:** Chị Trần Thị S khởi kiện chị Phạm Tuyết T trả số tiền hội theo biên nhận còn nợ là 48.200.000đ. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng hội được quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Về xét xử vắng mặt:** Các đương sự có mặt tại phiên tòa Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- [Về nội dung]:

Xét hợp đồng hội giữa chị Trần Thị S với chị Phạm Tuyết T mặc dù hai bên không làm hợp đồng, chỉ có danh sách hội và hai bên hoàn toàn tự nguyện, đủ năng lực hành vi dân sự, không trái với đạo đức xã hội, hợp đồng trên là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị S, về việc yêu cầu chị T trả số tiền 48.200.000đ là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, xuất phát từ việc hai bên thừa nhận có tham gia chơi hội, khai vào ngày 25/7/2011 (âm lịch) chị S có tham gia chơi một chân, hội 3.000.000đ, mỗi tháng khai một lần, có 24 người cùng chơi do chị T làm chủ hội theo danh sách hội khai vào ngày 25/7/2011 (al). Sau mỗi lần khai hội chị S có đóng hội sống đầy đủ, chị S là người hốt cuối cùng với số tiền 69.000.000đ, lẽ ra chị T phải giao đủ số tiền trên nhưng vì chị T không giao tiền cho chị S mà chị yêu cầu chị S cho chị làm biên nhận nhận nợ, chị S đồng ý (Biên nhận ngày 16/6/2013 âm lịch). Sau đó chị T trả cho chị S nhiều lần với số tiền 20.800.000đ, còn lại 48.200.000đ đến nay không trả, mặc dù chị S yêu cầu nhiều lần.

Tại phiên toà hôm nay chị T thừa nhận: chị có làm chủ hội như chị S trình bày, chị thừa nhận danh sách hội khai ngày 25/7/2011 (al) và biên nhận ngày 16/6/2013 (âm lịch) là của chị. Sau khi làm biên nhận chị có trả cho chị S nhiều lần với số tiền 20.800.000đ. Ngày 14/10/2011 (al) chị S có nhận của chị số tiền 37.000.000đ, tổng cộng là 57.800.000đ xem như xong, vì trong đây hội này đã bị bể nên chị trả lại tiền vốn mà chị S đã đóng cho chị. Xét lời trình bày của chị T là không có cơ sở chấp nhận. Vì: chị cho rằng đối với số tiền chị làm biên nhận với chị S, chị đã trả nhiều lần và chị S đã nhận của chị vào ngày 14/10/2011 (al) xem như xong vì đây hội này bị bể.

Tại phiên toà hôm nay chị T trình bày: Vì còn nợ tiền hội của chị S nên ngày 16/6/2013 (al) chị mới làm biên nhận số tiền 69.000.000đ. Do đó, có cơ sở khẳng định

dây hụi 3.000.000đ khai ngày 25/7/2011 (al) có 24 người cùng chơi, chị S là người hốt cuối với số tiền 69.000.000đ chị T chưa giao tiền cho chị S nên chị mới làm biên nhận. Chị cho rằng dây hụi đã bị bể, nhưng chị không chứng minh được hụi bể vào thời gian nào trong khi những người làm chứng như Đặng Thị T, Nguyễn Thị N ; Phạm Thị N và Lê Thị B là những người cùng tham gia dây hụi trên đều thừa nhận, hụi không bể và chị S là người hốt cuối cùng. Việc trình bày của chị không có cơ sở chấp nhận và chị không có chứng cứ chứng minh nguyên nhân vì sao hụi bể. Tòa án nhân dân huyện Tam Nông có thông báo yêu cầu chị cung cấp chứng cứ (Thông báo ngày 31/8/2018) để chứng minh nhưng chị không cung cấp được theo yêu cầu. Nhân chứng của chị trình bày là không nhớ cụ thể hụi bể vào thời gian nào và tại phiên tòa hôm nay chị cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác.

Đối với số tiền chị S nhận của chị T 37.000.000đ là tiền hốt hụi của dây hụi 2.000.000đ, hụi được mở ngày 09/10/2011 (al), do chị T làm chủ có 23 người cùng chơi, chị S là người hốt lần thứ 13, với số tiền 38.000.000đ, trừ tiền hoa hồng 1.000.000đ, còn lại chị S nhận 37.000.000đ, theo phiếu giao kèo đề ngày 14/10/2011 (al) dây hụi cũng không bể, chị T yêu cầu khấu trừ vào số tiền 69.000.000đ theo biên nhận ngày 16/6/2013 (al) là không có cơ sở chấp nhận. Vì: xét về mặt thời gian, phiếu giao kèo ngày 14/10/2011 (al) được xác lập trước, gần hai năm sau chị T tiếp tục làm biên nhận nợ hụi đề ngày 16/6/2013 (al) là không phù hợp. Hôm nay chị T không yêu cầu số tiền này đối với chị S, nếu sau này phát sinh tranh chấp chị sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Từ những căn cứ trên chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị S đối với chị Phạm Tuyết T là phù hợp.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của chị S được chấp nhận nên chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26; 35; 39 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 471 của Bộ Luật Dân sự;

Điều 15 và Điều 24 của Nghị định 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006.

Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị S đối với chị Phạm Tuyết T (L).
2. Buộc chị Phạm Tuyết T (L) có trách nhiệm trả cho chị Trần Thị S số tiền còn nợ là: **48.200.000đ** (Bốn mươi tám triệu hai trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Phạm Tuyết T (L) phải nộp số tiền 2.410.000đ (Hai triệu bốn trăm mười ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Trần Thị S được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông theo biên lai số: 0003687, quyển số 0000074, ngày 24/7/2018.

Trường hợp bản án được Thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Án xử công khai có mặt các đương sự. Báo cho các đương sự được biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Đương sự;
- Lưu HS DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Kim Doãn

